

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 16/03/2023

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Chinh - Cán bộ hưu.

Ông Đỗ Văn Long - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Ninh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 16/3/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/01/2023 về việc “Ly hôn” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/03/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị O - sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Trú quán: Tổ dân phố Đại Phú 2, thị trấn Vôi, huyện LG, tỉnh BG. Hiện đang lao động tại nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể.

Người đại diện theo ủy quyền của chị O nhận văn bản tố tụng: Anh Ngô Sách Lực, sinh năm 1981. Địa chỉ: thôn Liên Sơn, xã Tân Đình, huyện LG, tỉnh BG.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Đại Phú 2, thị trấn Vôi, huyện LG, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Ngô Thị O trình bày:*

** Về quan hệ hôn nhân:* Chị kết hôn với anh Ngô Văn T vào ngày 03/3/1992 tại UBND xã Phi Mô, huyện LG, tỉnh BG (nay là UBND thị trấn Vôi,

huyện LG, tỉnh BG). Trước khi kết hôn chị và anh T có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống cùng nhau ngay. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến năm 2007 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị đã đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống xa cách, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2007 đến nay, hiện nay chị và anh T cũng không liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

* *Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là: Nguyễn Thị A, sinh năm 1993 và Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2001. Hiện 2 con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về tài sản, công nợ chung*: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do các tài liệu chị O gửi về không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên người đại diện theo ủy quyền của chị O đã có đơn đề nghị giám định dấu vân tay của chị O tại đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị không lựa chọn đối thoại, lựa chọn hòa giải viên đề ngày 17/3/2022.

- Tại kết luận giám định số 2097/KL-KTHS ngày 17/11/2022 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Giang đã kết luận Dấu vân tay màu đỏ in tại mục “ Ngón cái tay phải” , “ngón cái phải” trên các tài liệu cần giám định so với dấu vân tay tại ô “ Cái phải” trên bản sao Chỉ bản số 12133633, mang tên chị Ngô Thị O, sinh năm 1976 là của cùng một người.

* *Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày*:

Anh và chị O có được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Năm 1992 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phi Mô, huyện LG, tỉnh BG nay là UBND thị trấn Vôi, huyện LG, tỉnh BG. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2002 vì kinh tế gia đình nên chị O đi nước ngoài. Khi mới sang nước ngoài thì chị O có liên lạc với anh, sau này thì ít dần và không liên lạc nữa và không về thăm gia đình bao giờ. Anh chị cũng đã ly thân từ đó tới nay. Nay chị O thấy tình cảm không còn xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị O.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung như chị O trình bày là đúng. Hiện nay con đã trưởng thành anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

* *Tại phiên tòa sơ thẩm chị O và anh T xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày*. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm*:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi

thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Ngô Thị O được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành chị O không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Tài sản chung, công nợ: Chị O không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị O chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm và 3.240.000 đồng tiền chi phí giám định dấu vân tay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ngô Thị O là người Việt Nam, hiện đang lao động tại nước ngoài có đơn xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn T. Bị đơn anh Nguyễn Văn T là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại TDP Đại Phú 2, thị trấn Vôi, huyện LG, tỉnh BG. Căn cứ công văn số: 305/QLXNC-P5 ngày 06/01/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị Ngô Thị O đã xuất cảnh ra nước ngoài 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 15/10/2006, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T và chị Ngô Thị O vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị O, anh T

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử thấy: Anh T và chị O được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9, Luật hôn nhân gia đình 2014. Quá trình chung sống anh T và chị O phát sinh mâu thuẫn. Hiện chị Ngô Thị O và anh Nguyễn Văn T mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Chị O và anh T cũng đã ly

thân từ lâu. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị O và anh Nguyễn Văn T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị O và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị O xin ly hôn anh T đồng ý. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị O. Xử cho chị Ngô Thị O được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[4]. Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là: Cháu Nguyễn Thị A, sinh năm 1993 và cháu Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2001. Hiện 2 cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi, có thể tự lo liệu cho bản thân. Chị O, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị O không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chị Ngô Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chị Ngô Thị O phải chịu 3.240.000 đồng tiền chi phí giám định vân tay và chữ ký.

[8]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị O được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Ngô Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000834 ngày 17/01/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị O đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Về chi phí giám định: Chị O phải chịu 3.240.000 đồng (Xác nhận chị O đã nộp và chi phí xong).

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Ngô Thị O hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Văn T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hương